

Số: 673 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể, hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km 217+150 - Km 247+100 thuộc địa bàn huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 về việc ban hành quy định phân loại đường, phố phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; số 27/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019; số 26/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-BGTVT ngày 29/3/2022 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km 217+150 - Km 247+100 thuộc địa bàn huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Văn bản số 2699/HĐTĐGD-STC ngày 16/11/2022; đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 566/TTr-STNMT ngày 02/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể, hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C đoạn Km 217+150 - Km 247+100 thuộc địa bàn huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Ngọc Hội và xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa.
2. Giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường:

2.1. Tại xã Ngọc Hội

a) Đất ở tại nông thôn ven trục giao thông chính (QL2C) thuộc xã Ngọc Hội:

- Đoạn từ cột mốc Km7 đường Chiêm Hóa - Na Hang đến giáp đường rẽ đi Ba Luồng: Giá đất tính tiền bồi thường là 200.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Đoạn từ giáp đường rẽ đi Ba Luồng đến giáp Đền Đàm Hồng: Giá đất tính tiền bồi thường là 250.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Đoạn từ Đền Đàm Hồng đến hết đất Trạm Kiểm Lâm: Giá đất tính tiền bồi thường là 350.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Đoạn từ Trạm Kiểm Lâm đến đường ngõ vào mỏ Ăngtimoan: Giá đất tính tiền bồi thường là 600.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Đoạn từ đường ngõ vào mỏ Ăngtimoan đến giáp Thủy điện Chiêm Hóa: Giá đất tính tiền bồi thường là 350.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Đoạn từ giáp đất Thủy điện Chiêm Hóa đến hết đất xã Ngọc Hội, giáp xã Yên Lập: Giá đất tính tiền bồi thường là 200.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

b) Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 38.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

c) Đất trồng cây lâu năm :

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 32.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

d) Đất rừng sản xuất:

- Khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 14.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 13.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

đ) Đất nuôi trồng thủy sản (Khu vực II, vị trí 1): Giá đất tính tiền bồi thường là 32.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

2.2. Tại xã Yên Lập

a) Đất ở nông thôn ven trục giao thông chính (QL2C) thuộc xã Yên Lập:

- Đoạn từ giáp địa phận xã Ngọc Hội đến giáp ngã ba Đài Thị: Giá đất tính tiền bồi thường là 110.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Đoạn từ ngã ba Đài Thị đến cầu Đài thị mới (giáp đền): Giá đất tính tiền bồi thường là 150.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Đoạn từ tiếp giáp cầu Đài Thị mới đến hết địa phận xã Yên Lập (giáp xã Thanh Tương, huyện Na Hang): Giá đất tính tiền bồi thường là 110.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

b) Đất trồng cây hàng năm:

- Khu vực III, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Khu vực III, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 36.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

c) Đất trồng cây lâu năm:

- Khu vực III, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 34.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Khu vực III, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 31.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

d) Đất rừng sản xuất:

- Khu vực III, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 13.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Khu vực III, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 12.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

đ) Đất nuôi trồng thủy sản:

- Khu vực III, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 30.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

- Khu vực III, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 27.000 đồng/m², hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với bảng giá đất 05 năm của tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án theo Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật liên quan.

2. Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục Thuế tỉnh: theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.(Qkt).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Tuấn